

CÔNG TY TNHH TK INTERNATIONAL
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TK INTERNATIONAL

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TK INTERNATIONAL COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: TK INTERNATIONAL CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 2301101936

3. Ngày thành lập: 09/09/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 19, Đường Nguyễn Đăng Đạo, Khu 10, Phường Đại Phúc, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0912495991

Fax:

Email: tkinternational19@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
2.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
3.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
4.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
5.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
6.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
7.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
8.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
9.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
10.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
11.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
12.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu	2029
13.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
14.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
15.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
16.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
17.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
18.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
19.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610

20.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
21.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
22.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312(Chính)
23.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
24.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
25.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
26.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
27.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
28.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
29.	Thu gom rác thải độc hại	3812
30.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
31.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
32.	Tái chế phế liệu	3830
33.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
34.	Xây dựng nhà để ở	4101
35.	Xây dựng nhà không để ở	4102
36.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
37.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
38.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
39.	Phá dỡ	4311
40.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
41.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
42.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
43.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
44.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
45.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
46.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
47.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
48.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
49.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
50.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
51.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa	4610
52.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
53.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
54.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
55.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
56.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659

57.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
58.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
59.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
60.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
61.	Bán buôn tổng hợp	4690
62.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
63.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
64.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
65.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
66.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
67.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
68.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
69.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
70.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
71.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
72.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
73.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
74.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
75.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
76.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
77.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
78.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
79.	Bốc xếp hàng hóa	5224
80.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
81.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
82.	Cơ sở lưu trú khác	5590
83.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
84.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
85.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
86.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630

87.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất	6820
88.	Hoạt động của trụ sở văn phòng	7010
89.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
90.	Quảng cáo	7310
91.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
92.	Cho thuê xe có động cơ	7710
93.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
94.	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	7740
95.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
96.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
97.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
98.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
99.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
100.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
101.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
102.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
103.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
104.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	8220
105.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
106.	Dịch vụ đóng gói	8292
107.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	8299
108.	Giáo dục nhà trẻ	8511
109.	Giáo dục mẫu giáo	8512
110.	Giáo dục tiểu học	8521
111.	Giáo dục trung học cơ sở	8522
112.	Giáo dục trung học phổ thông	8523
113.	Đào tạo sơ cấp	8531
114.	Đào tạo trung cấp	8532

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	TRƯỜNG TẤN TUYẾN	Số 19, Đường Nguyễn Đăng Đạo, Khu 10, Phường Đại Phúc, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	3.500.000.000	70,000	125399888	
2	NGÔ THỊ LAN ANH	124 Nguyễn Đăng, Phường Suối Hoa, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	750.000.000	15,000	125769866	
3	TRẦN THỊ NGỌC LAN	Khu 10, Phường Đại Phúc, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	750.000.000	15,000	125258458	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRƯỜNG TẤN TUYẾN

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 19/04/1978

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 125399888

Ngày cấp: 20/11/2018

Nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Ninh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 19, Đường Nguyễn Đăng Đạo, Khu 10, Phường Đại Phúc, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 19, Đường Nguyễn Đăng Đạo, Khu 10, Phường Đại Phúc, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Ninh